**III. Gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam**

**Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

**1. Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật.

- Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Cục Bảo vệ thực vật xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Bảo vệ thực vật trả lại hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Bảo vệ thực vật thẩm định nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đáp ứng quy định thì ban hành Quyết định công nhận theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 84/2019/NĐ-CP; trường hợp không gia hạn Quyết định công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính: Các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc nộp bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng: Các thành phần hồ sơ phải được scan, chụp từ bản chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Quyết định công nhận theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP;

b) Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy hoặc Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu;

c) Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

**4. Thời hạn giải quyết:**

07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

Thời hạn của Quyết định công nhận là 05 năm.

**8. Phí:** Không

**9**. **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 01: Đơn đề nghị gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

- Mẫu số 02: Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

***10.1. Yêu cầu về công nhận phân bón lưu hành***

a) Phân bón là hàng hóa kinh doanh có điều kiện và phải được cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam, trừ phân bón hữu cơ được sản xuất để sử dụng không vì mục đích thương mại, phân bón được nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Trồng trọt; phân bón được sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

b) Tổ chức, cá nhân trong nước hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài có văn phòng đại diện, chi nhánh công ty hoạt động trong lĩnh vực phân bón tại Việt Nam được đứng tên đăng ký công nhận lưu hành phân bón.

c) Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được đứng tên đăng ký công nhận một tên phân bón cho mỗi công thức thành phần, hàm lượng dinh dưỡng phân bón.

***10.2. Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam được gia hạn khi đáp ứng điều kiện sau đây:***

a) Khi tổ chức, cá nhân có yêu cầu;

b) Đáp ứng chỉ tiêu chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón;

c) Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điều 36, Điều 37 Luật Trồng trọt năm 2018

- Điều 4, Điều 7, Điều 25 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**Số:………………. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***……., ngày……tháng…..năm ……..* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/GIA HẠN**

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN PHÂN BÓN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:.................................................................................

Địa chỉ: ............................................................................

Mã số doanh nghiệp/Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân: ....................................

Điện thoại: ……………………Fax: ……..……………E-mail: ………………..…….

**ĐỀ NGHỊ**

[ ]  ***Cấp***

[ ]  Phân bón được nghiên cứu hoặc tạo ra trong nước;

[ ]  Phân bón được nhập khẩu lần đầu vào Việt Nam;

[ ]  Phân bón đã được công nhận lưu hành đăng ký thay đổi chỉ tiêu chất lượng (trừ độ ẩm, khối lượng riêng hoặc tỷ trọng, pHH2O, tỷ lệ C/N, cỡ hạt) hoặc phương thức sử dụng, hoặc đối tượng cây trồng trong hướng dẫn sử dụng.

[ ]  ***Cấp lại***

[ ]  Thay đổi, bổ sung thông tin tổ chức, cá nhân có phân bón đã được công nhận lưu hành; mất, hư hỏng Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam;

[ ]  Chuyển nhượng tên phân bón;

[ ]  Thay đổi tên phân bón đã được công nhận lưu hành.

[ ]  ***Gia hạn***

Tài liệu kèm theo:

1. Danh sách phân bón đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên phân bón** | **Mã số phân bón(1)** | **Chỉ tiêu chất lượng** | **Phương thức sử dụng** | **Hướng dẫn sử dụng(2)** | **Hạn sử dụng** | **Tên nhà sản xuất(3)** | **Địa chỉ sản xuất(4)** | **Thông báo tiếp nhận hợp quy/Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước(5)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

2. Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón (đối với trường hợp gia hạn).

3. Quyết định công nhận là tiến bộ kỹ thuật về sản phẩm phân bón theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ (Số .... ngày cấp .... Cơ quan cấp, Trường hợp quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 39 Luật Trồng trọt).

4. ..............................................................................................................................

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

(1) Áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn.

(2) Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn không có sự thay đổi hướng dẫn sử dụng.

(3), (4) Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn.

(5) Chỉ áp dụng đối với trường hợp gia hạn.

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**Số: ……… /BC- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***……, ngày ….. tháng….. năm …..* |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

**VÀ SỬ DỤNG PHÂN BÓN**

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

**1.** **Thông tin về tổ chức, cá nhân**

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân:

Điện thoại:………………..…... Fax: ……………..…… E-mail: .………..……………

**2. Tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu phân bón trong thời gian lưu hành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phân bón** | **Mã số phân bón** | **Khối lượng (tấn)** | **Số Thông báo tiếp nhận hợp quy/Số Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước** |
| Sản xuất phân bón | Xuất khẩu phân bón | Nhập khẩu phân bón |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

**3. Tình hình sử dụng phân bón trong thời gian lưu hành**

3.1. Thực trạng sử dụng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phân bón** | **Mã số phân bón** | **Liều lượng và thời kỳ sử dụng** | **Nội dung khác****(nếu có)** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

3.2. Đánh giá hiệu quả của việc thay đổi về liều lượng và thời kỳ sử dụng

**4. Đề nghị (***nếu có)*

4.1.Đề nghị thay đổi về liều lượng, thời kỳ sử dụng; chỉ tiêu chất lượng về độ ẩm, khối lượng riêng hoặc tỷ trọng, pHH2O, tỷ lệ C/N, cỡ hạt; yếu tố hạn chế về biuret, cadimi, axit tự do và lý do thay đổi.

4.2. Đề nghị khác.

4.3. Tài liệu gửi kèm làm căn cứ, thuyết minh đối với những đề nghị nêu tại mục 4.1 và 4.2.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*